

Bản án số: 259/2024/DS-ST

Ngày: 24-7-2024

V/v tranh chấp vay tài sản, thực  
hiện thủ tục sang tên xe ô tô

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phơ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đoàn Thị Thịnh

Bà Võ Thị Phương Thuý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Hoàng Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 24 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 506/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Vay tài sản, thực hiện thủ tục sang tên xe ô tô” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Lê Kim K**, sinh năm 1969; địa chỉ: **C, khu phố S, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; (có mặt).

*Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1978; địa chỉ: **B, Lô H, chung cư P, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Lê Kim K** trình bày:*

Vào năm 2007, ông **Lê Kim K** và bà **Nguyễn Thị Thu T** không đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng, có con chung **Nguyễn Quốc T1** (Giới tính: Nam), sinh ngày 14/9/2009. Năm 2010, hai bên phát sinh mâu thuẫn và thống nhất không tiếp tục chung sống với nhau. Do thỉnh

thoảng gặp nhau vì con, ông **K** không đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng có nhu cầu mua xe để đi lại và chở con nên ông **K** mua xe nhiều lần nhờ bà **T** đứng tên trên các giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, khi nào ông **K** cần bán xe thì bà **T** ký giấy tờ mua bán hoặc ủy quyền cho người thứ ba do ông **K** chỉ định. Tuy nhiên, đối với xe ô tô nhãn hiệu SUBARU, biển số 51K-417.51 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngày 15/9/2022, bà **T** không ký giấy tờ mua bán cho bên thứ ba khi ông **K** yêu cầu. Xe do ông **K** đang quản lý, sử dụng và giữ giấy chứng nhận đăng ký xe kể từ ngày mua cho đến nay mà không có bất kỳ tranh chấp nào từ bà **T** hay bên thứ ba.

Ngoài việc bà **T** đứng tên dùm trên các giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, tháng 03/2023, bà **T** hỏi mượn ông **K** một khoản tiền và hứa giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cá nhân bà **T** để ông **K** giữ làm tin, ông **K** đã đồng ý cho bà **T** mượn tiền cụ thể: Lần 1: 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng đưa trực tiếp cho bà **T** vào ngày 23/3/2023; Lần 2: 302.800.000 (Ba trăm lẻ hai triệu tám trăm nghìn) đồng bằng hình thức chuyển khoản ngày 26/3/2023; Lần 3: 282.366.000 (Hai trăm tám mươi hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng bằng hình thức chuyển khoản ngày 26/5/2023. Tổng cộng: 1.085.166.000 (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

Sau khi mượn được tiền, bà **T** không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **K** như đã thỏa thuận trước đó mà còn tuyên bố sẽ không hoàn trả số tiền đã mượn. Ông **K** đã nhiều lần yêu cầu bà **T** trả lại tiền và làm thủ tục sang tên xe ô tô nhãn hiệu SUBARU biển số 51K-417.51 cho ông **K** nhưng bà **T** không thực hiện mà cố tình né tránh. Vì vậy, ông **K** khởi kiện bà **Nguyễn Thị Thu T**, yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định xe ô tô nhãn hiệu SUBARU biển số 51K-417.51 cấp ngày 15/9/2022 thuộc quyền sở hữu của ông **K**. Buộc bà **T** trả lại một lần cho ông **K** số tiền bà **T** đã mượn là 1.085.166.000 (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

Tại phiên tòa ông **K** trình bày:

Ông **Lê Kim K** và bà **Nguyễn Thị Thu T** không đăng ký kết hôn, có con chung là trẻ **Nguyễn Quốc T1** (Giới tính: Nam), sinh ngày 14/9/2009 đã thực hiện giám định ADN; đối với trẻ **Nguyễn Anh T2** (Giới tính: Nữ), sinh ngày 23/02/2007 do chưa thực hiện giám định ADN nên ông **K** chưa khẳng định **Nguyễn Anh T2** là con của ông **K**. Ông **K** và bà **T** không ở chung, chỉ có qua lại vì con chung, ông **K** có nhờ bà **T** đứng tên giùm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu SUBARU biển số 51K-417.51 cấp ngày 15/9/2022, cho bà **T** mượn tiền. Trong tổng số tiền 1.085.166.000 (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng, ông **K** chuyển 282.366.000 (Hai trăm tám mươi hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng vào tài khoản



của Trường học VFIS đóng học phí cho trẻ Nguyễn Anh T2. Ông K chuyển vào tài khoản của bà T 302.800.000 (Ba trăm lẻ hai triệu tám trăm nghìn) đồng ghi nội dung chuyển tiền cho Nguyễn Thị Thu T và khoản tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng ông K ký hợp đồng vay tiền của ngân hàng và rút tiền mặt ngay trong ngày vay đưa cho bà T. Xe ô tô nhãn hiệu SUBARU biển số 51K-417.51 do ông K mua, ông K giữ giấy chứng nhận đăng ký xe và trực tiếp quản lý, sử dụng xe từ khi mua cho đến nay. Ông K yêu cầu bà T phải trả số tiền tổng cộng 1.085.166.000 (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng và thực hiện thủ tục sang tên cho ông K xe ô tô nhãn hiệu SUBARU biển số 51K-417.51, số máy: YP92241, số khung: MMRSK7LL5KT005487 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngày 15/9/2022.

*Tại các Bản tự khai ngày 15/5/2024 và ngày 21/7/2024, bị đơn là Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Kim K chung sống không đăng ký kết hôn từ năm 2007 và có hai con chung: Nguyễn Anh T2 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 23/02/2007 và Nguyễn Quốc T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 14/9/2009. Trong quá trình chung sống khi còn vui vẻ hạnh phúc, ông K có lo kinh tế và sinh hoạt phí trong gia đình, tiền học phí cho con. Năm 2022, ông K mua tặng cho con xe ô tô, để bà T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 51K-417.51 và dùng xe này đưa đón con đi học, bà T sử dụng xe một thời gian, đến tháng 7/2023 ông K tự ý đến lấy lại xe và quản lý, sử dụng cho đến nay. Bà T xác định xe ô tô biển số 51K-417.51 là của bà T, tuy nhiên ông K khởi kiện yêu cầu làm thủ tục sang tên xe cho ông K, bà T đồng ý vì bà T không tranh chấp xe này với ông K. Đối với số tiền 1.085.166.000 (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng là ông K cho bà T để lo sinh hoạt cho gia đình, con cái do ông K không cho bà T đi làm và đóng học phí cho con tại tài khoản Trường học VFIS, nếu ông K có giấy xác nhận cho thấy bà T mượn tiền của ông K thì bà T sẽ hoàn trả lại, số tiền 1.085.166.000 (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng bà T không mượn của ông K nên không có trách nhiệm trả tiền này cho ông K.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.



Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thực hiện thủ tục sang tên cho nguyên đơn đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUBARU có biển số 51K-417.51 cấp ngày 15/9/2022. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn đồng ý làm thủ tục sang tên trên giấy đăng ký sở hữu đối với xe ô tô nhãn hiệu SUBARU có biển số đăng ký 51K-417.51 cho nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã mượn là 1.085.166.000 đồng. Nguyên đơn trình bày cho bị đơn mượn số tiền 1.085.166.000 đồng, nhưng ngoài lời trình bày ra nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền trên nên không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp vay tài sản và yêu cầu bị đơn thực hiện thủ tục sang tên xe ô tô, bị đơn đang cư trú tại **Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu xác định xe ô tô nhãn hiệu SUBARU, biển số 51K-417.51 cấp ngày 15/9/2022 thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn và yêu cầu bị đơn trả tiền nguyên đơn cho mượn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày nguyên đơn giữ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51K-417.51 và đang trực tiếp quản lý, sử dụng xe, nguyên đơn và bị đơn không tranh chấp về quyền sở hữu xe, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện thủ tục sang tên xe và trả tiền đã mượn cho nguyên đơn. Bị đơn đến Tòa án trình bày lời khai cũng xác nhận nguyên đơn giữ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51K-417.51 và đang trực tiếp quản lý, sử dụng, bị đơn không tranh chấp quyền sở hữu xe với nguyên đơn, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp vay tài sản và thực hiện thủ tục sang tên xe ô tô”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy



định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Quá trình giải quyết vụ án thời gian đầu bị đơn không hợp tác, Tòa án phải tiến hành lấy xác minh cư trú của bị đơn ở nhiều địa chỉ khác nhau, niêm yết văn bản tố tụng cho bị đơn. Do vậy vụ án có vi phạm về thời hạn giải quyết, nhưng do lỗi khách quan vì chưa thu thập đủ chứng cứ, chưa có kết quả xác minh cư trú của bị đơn để thực hiện tổng đạt, niêm yết đúng thủ tục pháp luật quy định.

[5] Về yêu cầu của đương sự:

[6] Xe ô tô nhãn hiệu SUBARU biển số 51K-417.51, số máy: YP92241, số khung: MMR5K7LL5KT005487 do bà Nguyễn Thị Thu T đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngày 15/9/2022. Hiện ông Lê Kim K đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký và trực tiếp quản lý, sử dụng xe, bị đơn xác nhận không tranh chấp và đồng ý thực hiện thủ tục sang tên xe ô tô cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thực hiện thủ tục sang tên xe ô tô nhãn hiệu SUBARU biển số 51K-417.51 cho nguyên đơn.

[7] Đối với số tiền 1.085.166.000 (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả, bị đơn không thừa nhận có mượn tiền của nguyên đơn. Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu gồm: Giấy báo nợ ngày 26/5/2023; Giấy báo nợ ngày 26/3/2023; Giấy rút tiền ngày 23/3/2023 và Hợp đồng cho vay đảm bảo bằng toàn bộ tiền gửi tiết kiệm/ chứng chỉ tiền gửi/ tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng số: 02/2023/HĐTD/PVB-PMH ngày 23/3/2023. Hội đồng xét xử xét thấy:

[7.1] Giấy báo nợ ngày 26/5/2023 của Ngân hàng TMCP Đ - P. Nội dung ghi nợ tài khoản của ông Lê Kim K số tiền 282.366.000 (Hai trăm tám mươi hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng, diễn giải: “NGUYEN ANH THU-VFIS-001-1212000178-069-283967”. Tại phiên tòa ông K xác nhận ông K chuyển vào tài khoản của Trường học VFIS đóng học phí cho trẻ Nguyễn Anh T2 282.366.000 (Hai trăm tám mươi hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

[7.2] Giấy báo nợ ngày 26/3/2023 của Ngân hàng TMCP Đ - P. Nội dung ghi nợ tài khoản của ông Lê Kim K số tiền 302.800.000 (Ba trăm lẻ hai triệu tám trăm nghìn) đồng, diễn giải: “CHUYEN TIEN CHO NG THI THU THUY-575060”. Tại phiên tòa ông K xác nhận ông K chuyển vào tài khoản bà T số tiền ghi nội dung chuyển tiền cho bà T mà không ghi nội dung chuyển cho bà T mượn tiền.

[7.3] Ông K trình bày do bà T hỏi mượn tiền nên ông K ký với Ngân hàng TMCP Đ - P Hợp đồng cho vay đảm bảo bằng toàn bộ tiền gửi tiết kiệm/



chứng chỉ tiền gửi/ tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng số: 02/2023/HĐTD/PVB-PMH ngày 23/3/2023 để vay 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng, ngay sau khi vay tiền ngân hàng ông **K** rút tiền thể hiện tại Giấy rút tiền ngày 23/3/2023 để đưa trực tiếp bà **T** mượn 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, mà không làm biên nhận, giấy vay mượn tiền.

[8] Nhận thấy bị đơn không thừa nhận mượn của nguyên đơn 1.085.166.000 (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Toà án ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 426/2024/QĐ-CCTLCC ngày 20/5/2024, yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bị đơn vay mượn tiền 1.085.166.000 (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Nhưng ngoài các tài liệu do nguyên đơn giao nộp như nhận định ở trên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh bị đơn vay mượn tiền của nguyên đơn. Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không chứng minh được bị đơn vay mượn 1.085.166.000 (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng của nguyên đơn, do đó yêu cầu của nguyên đơn là bị đơn **Nguyễn Thị Thu T** trả cho nguyên đơn ông **Lê Kim K** số tiền 1.085.166.000 (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng không có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.085.166.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là thực hiện thủ tục sang tên đăng ký trên chứng nhận quyền sở hữu tài sản là xe ô tô nhãn hiệu SUBARU, biển số 51K-417.51, cho ông **Lê Kim K**.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 276, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;



Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Lê Kim K** về việc yêu cầu bị đơn thực hiện thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với xe ô tô nhãn hiệu SUBARU, biển số 51K-417.51, số máy: YP92241, số khung: MMRSK7LL5KT005487 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 50 166967 do **Phòng Cảnh sát giao thông Thành phố H** cấp ngày 15/9/2022.

Ông **Lê Kim K** được liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên đăng ký trên chứng nhận quyền sở hữu tài sản và bà **Nguyễn Thị Thu T** có nghĩa vụ thực hiện thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật, tên chủ xe: **Nguyễn Thị Thu T** sang tên chủ xe: **Lê Kim K**; đối với xe ô tô nhãn hiệu SUBARU, biển số 51K-417.51, màu bạc, số máy: YP92241, số khung: MMRSK7LL5KT005487 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 50 166967 do **Phòng Cảnh sát giao thông Thành phố H** cấp ngày 15/9/2022).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Kim K** về việc yêu cầu bà **Nguyễn Thị Thu T** trả số tiền 1.085.166.000 (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu T** chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn ông **Lê Kim K** chịu án phí dân sự sơ thẩm là 44.554.980 (Bốn mươi bốn triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.277.490 (Hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0037435 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000000753926 ngày 31 tháng 10 năm 2023, đơn vị nhận tiền: Chi cục Thi hành án dân sự **Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**, số tài khoản 3949.0.1053934.00000 tại **Kho bạc nhà nước Q**, Thành phố Hồ Chí Minh. Thông báo nộp tiền số 591 ngày 31 tháng 10 năm 2023, mã thông báo: 30FS5ZVVM8. Ông **Lê Kim K** còn phải nộp 22.277.490 (Hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TP HCM; (1)
  - VKSND Quận 7; (2)
  - Chi cục THADS Quận 7 (1)
  - Các đương sự; (4)
  - Lưu VT, Hs... (TK Đức) (6)
- (14)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Thị Phơ**